

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/DS-ST
Ngày 05-5-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Mai Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Giới
Bà Vũ Thị Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 202/2024/TLST - DS ngày 20 tháng 11 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A

Địa chỉ trụ sở chính: 266-268 NK, phường VTS, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức D - Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A - Chi nhánh Bình Phước - Phòng Giao dịch B

Địa chỉ Phòng Giao dịch: 283 Nguyễn Huệ, khu phố C, phường A1, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Văn Th - Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Bình Phước, Trưởng Phòng Giao dịch B.

Đại diện uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Đức Th, sinh năm 1986

(Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 08, ấp S, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Bà Châu Ngọc M1, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 07, khu phố T2, phường H2, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần A tham gia tố tụng ông Lê Đức Th trình bày:

Ngày 17/8/2022, bà Châu Ngọc M1 có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Châu Ngọc M1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000đ (Năm mươi triệu) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Châu Ngọc M1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền lũy kế là 50.100.000 (Năm mươi triệu một trăm nghìn) đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Châu Ngọc M1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.991.796 (Mười ba triệu chín trăm chín mươi một nghìn bảy trăm chín mươi sáu) đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Châu Ngọc M1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do đó bà Châu Ngọc M1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên tháng 11/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 05/5/2025, bà Châu Ngọc M1 còn nợ khoản sau:

- Dư nợ gốc: 51.083.923 (Năm mươi một triệu không trăm tám mươi ba nghìn chín trăm hai mươi ba) đồng.

- Lãi quá hạn: 11.433.402 (Mười một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm linh hai) đồng.

- Dư nợ hiện tại: 62.517.325 (Sáu mươi hai triệu năm trăm mười bảy nghìn ba trăm hai mươi lăm) đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Châu Ngọc M1 phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 05/5/2025 là 62.517.325 (Sáu mươi hai triệu năm trăm mười bảy nghìn ba trăm hai mươi lăm) đồng và lãi phát sinh sau ngày 05/5/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng) ký ngày 17/8/2022.

Bị đơn bà Châu Ngọc M1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần (triệu tập làm việc trình bày ý kiến, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa xét xử vụ án; yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ) nhưng không có mặt để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A. Ngày

02/01/2025, Toà án đã tiến hành xác minh tại Công an phường H2, thị xã B, tỉnh Bình Phước và được cung cấp thông tin: Bà Châu Ngọc M1, sinh năm 1996 có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại tổ 07, khu phố T2, phường H2, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Do đó, Toà án đã tiến hành thủ tục niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không tham gia giải quyết vụ án, không chấp hành theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do, nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng Thương mại cổ phần A đối với bà Châu Ngọc M1 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bà Châu Ngọc M1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền nợ tạm tính đến ngày 05/5/2025 là 62.517.325 (Sáu mươi hai triệu năm trăm mười bảy nghìn ba trăm hai mươi lăm) đồng và lãi phát sinh sau ngày 05/5/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng) ký ngày 17/8/2022

- Về án phí sơ thẩm: Bà Châu Ngọc M1 phải chịu theo quy định, Ngân hàng Thương mại cổ phần A không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng TMCP A khởi kiện bị đơn bà Châu Ngọc M1 yêu cầu thanh toán tiền vay do vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bị đơn có nơi cư trú tại tổ 07, khu phố T2, phường H2, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước. Bị đơn bà Châu Ngọc M1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Châu Ngọc M1.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và Toà án đã thu thập nhận thấy: Ngày 17/8/2022, bà Châu Ngọc M1 có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Châu Ngọc M1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000đ (Năm mươi triệu) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Châu Ngọc M1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền lũy kế là 50.100.000 (Năm mươi triệu một trăm nghìn) đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Châu Ngọc M1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.991.796 (Mười ba triệu chín trăm chín mươi một nghìn bảy trăm chín mươi sáu) đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Châu Ngọc M1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Châu Ngọc M1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên tháng 11/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 05/5/2025, bà Châu Ngọc M1 còn nợ Ngân hàng số tiền là 62.517.325 (Sáu mươi hai triệu năm trăm mười bảy nghìn ba trăm hai mươi lăm) đồng, bao gồm dư nợ gốc là 51.083.923 (Năm mươi một triệu không trăm tám mươi ba nghìn chín trăm hai mươi ba) đồng và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 05/5/2025 là 11.433.402 (Mười một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm linh hai) đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà Châu Ngọc M1 phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 05/5/2025 là 62.517.325 (Sáu mươi hai triệu năm trăm mười bảy nghìn ba trăm hai mươi lăm) đồng và lãi phát sinh sau ngày 05/5/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng) ký ngày 17/8/2022.

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng) giữa bà Châu Ngọc M1 với Ngân hàng Thương mại cổ phần A có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên các bên có quyền và nghĩa vụ như đã thoả thuận trong hợp đồng, bà Châu Ngọc M1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng Thương mại cổ phần A yêu cầu bà Châu Ngọc M1 thanh toán là có căn cứ. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn bà Châu Ngọc M1 phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A không phải chịu án phí, nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự; các điều 90, 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A đối với bị đơn bà Châu Ngọc M1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Châu Ngọc M1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm tính đến ngày 05/5/2025 là 62.517.325 (Sáu mươi hai triệu năm trăm mười bảy nghìn ba trăm hai mươi lăm) đồng, bao gồm số tiền nợ gốc là 51.083.923 (Năm mươi một triệu không trăm tám mươi ba nghìn chín trăm hai mươi ba) đồng và lãi quá hạn là 11.433.402 (Mười một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm linh hai) đồng và lãi phát sinh sau ngày 05/5/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất được các bên thoả thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng) ký ngày 17/8/2022.

2. Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A - Chi nhánh Bình Phước - Phòng giao dịch B số tiền 1.300.000 (Một triệu ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu số 0002329 ngày 14/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B). Bị đơn bà Châu Ngọc M1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.126.000 (Ba triệu một trăm hai mươi sáu nghìn) đồng. Bà Châu Ngọc M1 liên hệ Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B để thực hiện nghĩa vụ đóng tiền án phí theo quy định.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Ngọc Mai Phương